

## PHỤ LỤC 05: BIỂU PHÍ GIAO DỊCH TÍN DỤNG

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
<b>PHÍ GIAO DỊCH TÍN DỤNG</b>								
<b>1</b>	<b>PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN (Không chịu thuế VAT)</b>							
<b>1</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>		Miễn phí					
<b>2</b>	<b>Vay trung, dài hạn - có tài sản đảm bảo</b>							
	Thời gian vay thực tế đã được trên 70% thời hạn hợp đồng		Miễn phí					
	Thời gian vay thực tế đã đạt từ 30 - 70% thời hạn hợp đồng		1,5% Tối thiểu: 200.000 VND				Số tiền trả trước hạn	
	Thời gian vay thực tế đã đạt dưới 30% thời hạn hợp đồng		2,0% Tối thiểu: 500.000 VND				Số tiền trả trước hạn	
	Trường hợp trả nợ trước hạn với số tiền dưới 20.000.000 VND, Tối đa 01 tháng/lần		Miễn phí					
<b>3</b>	<b>Vay trung, dài hạn - Không tài sản bảo đảm</b>							
	Trả nợ trước 1/2 thời gian vay		2,0% Tối thiểu: 200.000 VND				Số tiền trả trước hạn	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
	Trả nợ từ 1/2 thời gian vay trở đi		1,0% Tối thiểu: 200.000 VND					
<b>4</b>	<b>Vay cầm cố tiền gửi tiết kiệm</b>							
	Vay và tất toán khoản vay trong ngày		Tiền lãi 1 ngày theo lãi suất cho vay trên HĐTD Tối thiểu: 50.000 VND				Số tiền trả trước hạn	
	<i>Lưu ý: Trường hợp sản phẩm có quy định về phí khác so với biểu phí này, ĐVKD áp dụng phí theo quy định của sản phẩm</i>							
<b>II</b>	<b>PHÍ TÀI KHOẢN THẤU CHI (Không chịu thuế VAT)</b>							
<b>1</b>	<b>Phí cấp hạn mức/gia hạn hạn mức thấu chi</b>							
1.1	Thấu chi có tài sản bảo đảm (không bao gồm tiền gửi tiết kiệm) - Lưu ý: Thu 1 lần tại thời điểm điều chỉnh hạn mức thấu chi.		0,1% Tối thiểu: 100.000 VND				Hạn mức được cấp	<b>B</b>
1.2	Thấu chi có TSBĐ là tiền gửi tiết kiệm - Lưu ý: Thu 1 lần tại thời điểm cấp/ điều chỉnh hạn mức	0,1% Tối thiểu: 100.000 VND	Miễn phí				Hạn mức được cấp	<b>D</b>
1.3	Thấu chi không tài sản bảo đảm		Miễn phí					
<b>2</b>	<b>Phí nâng hạn mức thấu chi</b>							

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
2.1	Thấu chi có tài sản bảo đảm (không bao gồm tiền gửi tiết kiệm, trường hợp này hạn mức thấu chi thì chính là phần chênh lệch hạn mức mới so với hạn mức cũ) - Lưu ý: Thu 1 lần tại thời điểm điều chỉnh hạn mức thấu chi.		0,1% Tối thiểu: 100.000 VND				Hạn mức được cấp	<b>B</b>
2.2	Thấu chi tiền gửi tiết kiệm (trường hợp này hạn mức thấu chi thì chính là phần chênh lệch hạn mức mới so với hạn mức cũ) - Lưu ý: Thu 1 lần tại thời điểm điều chỉnh hạn mức thấu chi.	0,1% Tối thiểu: 100.000 VND	Miễn phí				Hạn mức được cấp	<b>D</b>
2.3	Thấu chi không tài sản bảo đảm	0,1% Tối thiểu: 100.000 VND	Miễn phí				Hạn mức được cấp	
<i>Lưu ý: Trường hợp sản phẩm có quy định về phí khác so với biểu phí này, ĐVKD áp dụng phí theo quy định của sản phẩm.</i>								
<b>III</b>	<b>PHÍ DỊCH VỤ BẢO LÃNH (Không chịu thuế VAT)</b>							
<b>1</b>	<b>Phát hành thư bảo lãnh</b> (tính theo số ngày bảo lãnh thực tế)							
	- Ký quỹ 100%		0,05% Tối thiểu: 200.000 VND				01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng GTCG do PVcomBank phát hành		0,05% Tối thiểu: 300.000 VND				01 tháng	

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng GTCG do TCTD khác phát hành		0,10% Tối thiểu: 300.000 VND				01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng bất động sản		0,15% Tối thiểu: 300.000 VND				01 tháng	
	- Ký quỹ < 100% và phần không ký quỹ được đảm bảo bằng tài sản khác		0,20% Tối thiểu: 400.000 VND				01 tháng	
<b>2</b>	<b>Tu chính bảo lãnh</b>							<b>B</b>
	- Tu chính tăng giá trị bảo lãnh		Như phát hành thư bảo lãnh				Số tiền gia tăng	
	- Tu chính tăng thời hạn bảo lãnh		Như phát hành thư bảo lãnh				Thời hạn bảo lãnh tăng	
	- Tu chính khác		Thỏa thuận, Tối thiểu: 150.000 VND					
<b>3</b>	<b>Hủy bảo lãnh</b>							<b>B</b>
	- Hủy thư bảo lãnh ký quỹ 100%		Miễn phí					
	- Hủy bảo lãnh ký quỹ dưới 100%		200.000 VND					
<b>4</b>	<b>Phát hành thư bảo lãnh bằng 2 ngôn ngữ Anh – Việt</b>		Như phát hành thư bảo lãnh + 200.000 VND					<b>C</b>

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
5	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của KH được PVcomBank chấp thuận	Như phát hành thư bảo lãnh + 200.000 VND					C	
6	Phát hành bảo lãnh đối ứng						C	
	- Phát hành thư bảo lãnh dựa vào TCTD trong nước	0,15% Tối thiểu: 400.000 VND Tối đa: Thỏa thuận				01 tháng		
	- Phát hành thư bảo lãnh dựa vào TCTD nước ngoài	0,13% Tối thiểu: 30 USD Tối đa: Thỏa thuận				01 tháng		
7	Phát hành thêm bảo lãnh bản chính/bản phụ	Tối thiểu: 100.000 VND Tối đa: Thỏa thuận				01 bản	C	
8	Xác nhận thư bảo lãnh	0,15% Tối thiểu: 300.000 VND/20 USD Tối đa: Thỏa thuận				01 tháng	C	
9	Phí chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	Như phí chuyển tiền (có áp dụng VAT)						
<b>IV</b>	<b>PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG KHÁC (có chịu thuế VAT)</b>							
1	Cho mượn hồ sơ tài sản bảo đảm						B	
	- Giấy tờ có giá do PVcomBank phát hành	Thỏa thuận Tối thiểu: 100.000 VND				01 GTCG		
	- Tài sản khác	Thỏa thuận Tối thiểu: 200.000 VND				01 tài sản		

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3		
	- Cho mượn hồ sơ TSBĐ là Giấy tờ xe để đi công chứng phục vụ cho việc cấp lưu hành xe (*)		Thỏa thuận Tối đa: 200.000 VND				01 tài sản	
	- Cho mượn hồ sơ tài sản bảo đảm phục vụ cho việc thế chấp TSBĐ của KH tại PVcomBank		Miễn phí					<b>B</b>
<b>2</b>	<b>Xác nhận bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm, chứng từ có giá đang thế chấp (ngoại trừ ô tô) cầm cố theo yêu cầu của khách hàng</b>		Thỏa thuận Tối thiểu: 500.000 VND				01 hồ sơ	<b>B</b>
<b>3</b>	<b>Xác nhận bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm là ô tô đang thế chấp tại ngân hàng (*)</b>		Thỏa thuận Tối đa: 200.000 VND				01 tài sản	<b>B</b>
<b>4</b>	<b>Xác nhận số dư tín dụng bằng văn bản</b>		Thỏa thuận Tối thiểu: 100.000 VND				01 hồ sơ	<b>B</b>

Ghi chú:

1. Biểu phí quy định tại mục III chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám Đốc ban hành.
3. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
4. Đối với các khoản phí tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí.
5. Không áp dụng thu phí nộp tiền mặt khi Khách hàng nộp tiền để trả nợ gốc và lãi đối với các khoản nợ tại PVcomBank.
6. Miễn phí rút tiền mặt đối với số tiền giải ngân của khách hàng khi vay vốn tại PVcomBank
7. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các Ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
8. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
9. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
10. Các trường hợp thu phí thấp hơn mức phí quy định phải được Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền phê duyệt bằng văn bản.
11. Trường hợp KH đã được giảm phí: Nếu mức phí sau khi được giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu.
12. (\*) Đối với phí Cho mượn hồ sơ TSBĐ là Giấy tờ xe để đi công chứng phục vụ cho việc cấp lưu hành xe và Phí Xác nhận bản chính hồ sơ tài sản bảo đảm là ô tô đang thế chấp tại ngân hàng, Giám Đốc Vùng KHCN sẽ quyết định mức thu phí đối với từng Vùng đảm bảo thống nhất mức phí này đối với các Đơn vị kinh doanh thuộc Vùng đó và không vượt quá mức phí tối đa theo quy định.